

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BẮC NINH**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
NĂM HỌC 2024 - 2025
Môn: NGŨ VĂN - Lớp 10**

Thời gian làm bài: **90 phút** (không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Tiếng đàn bầu

Lữ Giang

(1) *Lặng tai nghe đàn bầu
Ngân dài trong đêm thâu
Tiếng đàn là suối ngọt
Cho thời gian lên màu.*

(3) *Đàn ngày xưa mất nước
Dây đồng lẻ não nuột
Người hát xẩm mắt mù
Ôm đàn đi trong mưa*

(2) *Tiếng đàn bầu của ta
Lời đầm thắm thiết tha
Cung thanh là tiếng mẹ
Cung trầm là giọng cha.*

(4) *Mừng Việt Nam chiến thắng
Đàn bầu ta dạo lên
Nghe niềm vui sâu đậm
Việt Nam – Hồ Chí Minh.*

1956

(Dẫn theo *Thơ Việt Nam 1954 – 1964*, NXB Giáo dục 1997, tr.155)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản trên.

Câu 2. Chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh miêu tả *tiếng đàn bầu* trong khổ thơ (1).

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong những dòng thơ sau:

*Tiếng đàn bầu của ta
Lời đầm thắm thiết tha
Cung thanh là tiếng mẹ
Cung trầm là giọng cha.*

Câu 4. Anh/chị hiểu như thế nào về nội dung của hai dòng thơ:

*Đàn ngày xưa mất nước
Dây đồng lẻ não nuột*

Câu 5. Nhận xét về tình cảm của tác giả gửi gắm trong khổ thơ (4).

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích hình tượng *tiếng đàn bầu* trong văn bản ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ về lối sống giản dị.

.....HẾT.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BẮC NINH
(HDC có 03 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2024 - 2025
Môn: NGỮ VĂN - Lớp 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể thơ của văn bản: thể thơ năm chữ/ngũ ngôn. Hướng dẫn chấm: HS trả lời đúng nội dung đạt 0,5 điểm	0,5
	2	Những từ ngữ, hình ảnh miêu tả tiếng đàn bầu trong khổ (1): Ngân dài, suối ngọt. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án đạt 0,5 điểm - HS trả lời 1 từ ngữ, hình ảnh đạt 0,25 điểm	0,5
	3	- Biện pháp tu từ từ so sánh: <i>Cung thanh</i> của tiếng đàn bầu được so sánh với <i>tiếng mẹ</i>; <i>Cung trầm</i> của tiếng đàn bầu được so sánh với <i>giọng cha</i>. - Tác dụng: Làm cho khổ thơ giàu hình ảnh, giá trị biểu cảm; Khắc họa những cung bậc âm thanh, cảm xúc của tiếng đàn bầu vừa giản dị quen thuộc, vừa ám áp thiêng liêng gợi tình cảm gia đình, quê hương gần gũi; Thể hiện tình yêu, niềm tự hào của tác giả về vẻ đẹp của tiếng đàn bầu, một loại hình nghệ thuật độc đáo của dân tộc Việt Nam. Hướng dẫn chấm: - HS chỉ đúng hình ảnh so sánh đạt 0,25 điểm - HS nêu đúng 3 ý tác dụng của biện pháp tu từ so sánh đạt 0,75 điểm - HS có cách diễn đạt tương đương đạt điểm tối đa	1,0
	4	Nội dung hai dòng thơ: Tái hiện giai đoạn đất nước bị xâm lược, nhân dân bị rơi vào cảnh lầm than nô lệ thì tiếng đàn bầu mang những giai điệu não nuột, buồn tủi; Tiếng đàn bầu cũng là tiếng lòng của dân tộc. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời đúng mỗi nội dung đạt 0,5 điểm - HS có cách diễn đạt tương đương đạt điểm tối đa	1,0
	5	- Tiếng đàn vang lên vui tươi, mạnh mẽ, thể hiện niềm tự hào trong ngày chiến thắng của dân tộc. - Nhận xét: Tình yêu, trân trọng về một loại nhạc cụ dân tộc mang trong mình lịch sử, tình cảm, tâm hồn Việt Nam. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời đúng mỗi nội dung đạt 0,5 điểm - HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa	1,0
II		VIẾT	
	1	Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích hình tượng tiếng đàn bầu trong văn bản thơ ở phần Đọc hiểu.	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Đảm bảo yêu cầu về hình thức, dung lượng (150 chữ) của đoạn văn. HS có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Hình tượng tiếng đàn bầu trong văn bản thơ ở phần Đọc hiểu.	0,25
		c. Viết được đoạn văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu Hình tượng tiếng đàn bầu trong văn bản:	1,0

	- Hình tượng tiếng đàn bầu xuất hiện xuyên suốt bài thơ, mang nhiều sắc thái khác nhau: + Tiếng đàn bầu ngọt ngào, trong trẻo, ngân nga sống động đánh thức đời sống tâm hồn con người là <i>suối ngọt, cho thời gian lên màu</i> + Tiếng đàn với nhiều cung bậc thăng trầm, khi thanh nhẹ, tha thiết như tiếng mẹ, khi trầm vang, ảm áp như giọng cha, gợi lên tình cảm gia đình thiêng liêng: <i>Cung thanh là tiếng mẹ/ Cung trầm là giọng cha</i> + Tiếng đàn gắn với lịch sử dân tộc: là nhân chứng của những đau thương mất mát (<i>dây đồng lẻ não nuốt</i>); góp vào khúc khải hoàn vui tươi, tự hào trong ngày chiến thắng (<i>đàn bầu ta dạo lên/ Nghe niềm vui sâu đậm</i>) - Tiếng đàn bầu không chỉ là âm thanh của một nhạc cụ mà còn là linh hồn của dân tộc Việt Nam. Tiếng đàn gần gũi, gần bó; khơi dậy những tình cảm thiêng liêng; phản ánh những giai đoạn lịch sử dân tộc, có tâm hồn và sức sống mãnh liệt. - Nghệ thuật: Thể thơ tự do, biện pháp tu từ đặc sắc, từ ngữ chân thực, sinh động, gợi cảm, có tính biểu tượng...	
	d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: - HS huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề cần nghị luận; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 02 yêu cầu trở lên: 0,25 điểm.	0,25
2	Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ về lối sống giản dị.	4,0
	a. Đảm bảo bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận Đảm bảo yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 400 chữ) của bài văn.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Lối sống giản dị.	0,5
	c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu: Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận * Thân bài - Giải thích: Lối sống giản dị là lối sống phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của bản thân, gia đình; không phô trương, sống chân thành, mộc mạc; không chạy theo những nhu cầu vật chất hay vẻ bề ngoài. - Biểu hiện: Vẻ bề ngoài như cách ăn mặc, cách giao tiếp; trong suy nghĩ; phong cách sống hướng vào ưu tiên những giá trị cốt lõi. - Ý nghĩa: Lối sống giản dị giúp con người sống thanh thản, giảm áp lực vật chất, bình yên trong tâm hồn, mỗi người được là chính mình, được sống thật tạo nên nét đẹp nhân cách; Lối sống giản dị góp phần tạo nên xã hội nhân ái, bình đẳng. - Cần phê phán lối sống sống khoa trương, cầu kì; nhưng lối sống giản dị cũng không đồng nghĩa với sống xuề xòa, thiếu thẩm mỹ, lác hậu hay hà tiện... - Bài học: Cần hiểu đúng về lối sống giản dị để tránh làm sai một cách máy móc, cực đoan; Cần xây dựng lối sống phù hợp với bản thân và hoàn cảnh. * Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận.	2,5
	d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25

	Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	
	đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: - HS huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề cần nghị luận; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 02 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.	0,5
Tổng điểm		10,0